

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ MỸ
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2025/KDTM-ST

Ngày: 20-01-2025

V/v: T/c HĐ cho thuê tài chính

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Sơn

2. Bà Nguyễn Thị Bạch Gương

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu: Bà Trịnh Ngọc Hồng Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ xét xử công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 34/2022/TLST-KDTM ngày 20 tháng 12 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2024/QĐST-KDTM ngày 06 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2024/QĐST – KDTM ngày 27/12/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty C1

Trụ sở chính: Tầng B Cao ốc S, số C T, phường B, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông C, Y-C – Chức vụ: Tổng giám đốc (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Diệp Yến B – Chức vụ: Trưởng phòng thu hồi công nợ (vắng mặt).

Người đại diện theo uỷ quyền lại: Ông Đỗ Nguyễn Nhật L – Nhân viên thu hồi công nợ (có mặt).

- *Bị đơn:* Công ty TNHH V

Trụ sở chính: C36 đường T, phường T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T - Chức vụ: Giám đốc (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1978

Địa chỉ: Số A tầng C, B, tập thể B, phường P (nay là phường L), thành phố H, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

2. Ông Vũ H, sinh năm 1958

Địa chỉ: A ấp A, xã A, huyện L (nay là xã T, huyện L), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông H: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1978

Địa chỉ: Số A tầng C, B, tập thể B, phường P (nay là phường L), thành phố H, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

3. Công ty TNHH P T1

Địa chỉ: 4 khu phố L, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lương Thị B1 - Chức vụ: Giám đốc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đỗ Nguyễn Nhật L trình bày:

Do Công ty TNHH V (gọi tắt là Công ty V) có nhu cầu sử dụng phương tiện phục vụ cho hoạt động kinh doanh của mình và đề nghị Công ty C1 (gọi tắt là Công ty C1) tài trợ tài chính nên hai bên đã ký các Hợp đồng cho thuê tài chính gồm số B201110701 ngày 13/11/2020, số B201114201 ngày 13/11/2020, số B201207001 ngày 16/12/2020, số B210515201 ngày 11/05/2021 kèm Phụ lục số 01 theo mỗi hợp đồng. Theo đó, tài sản mà Công ty TNHH V có nhu cầu thuê tài chính là:

- Hợp đồng số B201110701 ngày 13/11/2020, các tài sản thuê bao gồm: 01 sơ mi rơ moóc tải (chở container) hiệu THT biển số 72R-023.62; 01 sơ mi rơ moóc tải (chở container) hiệu THT biển số 72R-023.63; 01 sơ mi rơ moóc tải (chở container) hiệu THT biển số 72R-024.18; 01 sơ mi rơ moóc tải (chở container) hiệu CIMC biển số 72R-023.30; 01 sơ mi rơ moóc tải (chở container) hiệu CIMC biển số 72R-023.87; 01 sơ mi rơ moóc tải (chở container) hiệu CIMC biển số 72R-023.68; 01 sơ mi rơ moóc tải (chở container) hiệu CIMC biển số 72R-023.59; 01 sơ mi rơ moóc tải (chở container) hiệu CIMC biển số 72R-023.38; 01 sơ mi rơ moóc tải (chở container) hiệu CIMC biển số 72R-023.90; 01 sơ mi rơ moóc tải (chở container) hiệu CIMC biển số 72R-023.82; 01 sơ mi rơ moóc tải (chở container) hiệu CIMC biển số 72R-024.07.

- Hợp đồng số B201114201 ngày 13/11/2020, các tài sản thuê bao gồm: 01 ô tô đầu kéo hiệu Foton biển số 72LD-008.91; 01 ô tô đầu kéo hiệu Shacman biển số 72LD-008.15; 01 ô tô đầu kéo hiệu Shacman biển số 72LD-008.62; 01 ô tô đầu kéo hiệu Chenglong biển số 72LD-008.74; 01 ô tô đầu kéo hiệu Chenglong biển số 72LD-007.14; 01 ô tô đầu kéo hiệu Howo biển số 72LD-008.79; 01 ô tô đầu kéo hiệu Howo biển số 72LD-008.10; 01 ô tô đầu kéo hiệu

CNHTC biển số 72LD-008.24; 01 ô tô đầu kéo hiệu CNHTC biển số 72LD-007.95.

- Hợp đồng số B201207001 ngày 16/12/2020, các tài sản thuê bao gồm: 01 ô tô đầu kéo hiệu Foton biển số 72LD-008.49; 01 ô tô đầu kéo hiệu Foton biển số 72LD-008.42; 01 sơ mi rơ moóc tải (chở container) hiệu CIMC biển số 72R-023.70; 01 sơ mi rơ moóc tải (chở container) hiệu CIMC biển số 72R-023.83.

- Hợp đồng số B210515201 ngày 11/05/2021, các tài sản thuê bao gồm: 01 ô tô đầu kéo hiệu Foton biển số 72LD-009.96; 01 ô tô đầu kéo hiệu Foton biển số 72LD-009.42; 01 ô tô đầu kéo hiệu Foton biển số 72LD-009.28; 01 ô tô đầu kéo hiệu Foton biển số 72LD-009.16; 01 ô tô đầu kéo hiệu Foton biển số 72LD-009.59; 01 ô tô đầu kéo hiệu Foton biển số 72LD-009.63; 01 ô tô đầu kéo hiệu Foton biển số 72LD-009.74; 01 ô tô đầu kéo hiệu Foton biển số 72LD-009.88; 01 sơ mi rơ moóc tải (chở container) hiệu CIMC biển số 72R-025.72; 01 sơ mi rơ moóc tải (chở container) hiệu CIMC biển số 72R-026.02; 01 sơ mi rơ moóc tải (chở container) hiệu CIMC biển số 72R-025.58; 01 sơ mi rơ moóc tải (chở container) hiệu CIMC biển số 72R-025.90; 01 sơ mi rơ moóc tải (chở container) hiệu CIMC biển số 72R-026.46; 01 sơ mi rơ moóc tải (chở container) hiệu CIMC biển số 72R-026.14; 01 sơ mi rơ moóc tải (chở container) hiệu HUAJIN biển số 72R-026.43; 01 sơ mi rơ moóc tải (chở container) hiệu HUAJIN biển số 72R-026.00; 01 sơ mi rơ moóc tải (chở container) hiệu HUAJIN biển số 72R-026.30.

Để thực hiện các Hợp đồng cho thuê tài chính nêu trên, Công ty C1 đã ký các hợp đồng mua bán số B201110701-PC ký ngày 20/11/2020, số B201114201-PC ký ngày 20/11/2020, số B201207001-01-PC ký ngày 22/12/2020 với Công ty TNHH D và số B210515201-PC ký ngày 18/05/2021 với Công ty TNHH K để mua các tài sản thuê nêu trên và cho Công ty V thuê lại chính các tài sản này. Đây là hình thức cho thuê tài chính theo quy định của pháp luật về cho thuê tài chính. Sau đó Công ty TNHH V đã ký biên bản bàn giao và nghiệm thu tài sản để nhận bàn giao các tài sản thuê nêu trên vào các ngày 18/12/2020, ngày 21/12/2020, ngày 30/12/2020 và ngày 16/06/2021.

Tổng giá trị của tài sản thuê là 19.659.378.000 đồng, số tiền mà Công ty TNHH V trả trước là 4.030.509.600 đồng, số tiền mà Công ty C1 tài trợ gọi là giá trị thuê là 15.628.868.400 đồng; cụ thể:

- Hợp đồng thuê số B201110701, thời hạn 60 tháng, tổng giá trị tài sản 4.192.200.000 đồng; tiền trả trước 1.048.050.000 đồng; giá trị thuê 3.144.150.000 đồng;

- Hợp đồng thuê số B201114201, thời hạn 60 tháng, tổng giá trị tài sản 5.712.000.000 đồng; tiền trả trước 856.800.000 đồng; giá trị thuê 4.855.200.000 đồng;

- Hợp đồng thuê số B201207001, thời hạn 60 tháng, tổng giá trị tài sản 2.182.800.000 đồng; tiền trả trước 611.184.000 đồng; giá trị thuê 1.571.616.000 đồng;

- Hợp đồng thuê số B210515201, thời hạn 48 tháng, tổng giá trị tài sản

7.572.378.000 đồng; tiền trả trước 1.514.475.600 đồng; giá trị thuê 6.057.902.400 đồng.

Lãi suất thuê được áp dụng cho các Hợp đồng thuê được quy định cụ thể tại các Thông báo bắt đầu thuê mà Công ty C1 đã phát hành lãi suất thuê là lãi suất thả nổi, lãi suất tạm tính tại ngày bắt đầu thuê là 9,97%/năm.

Hàng tháng, Công ty V phải thanh toán cho Công ty C1 tiền thuê bao gồm một phần nợ gốc và khoản tiền lãi được tính trên dư nợ giảm dần cho đến khi trả đủ số tiền nợ gốc mà Công ty C1 đã tài trợ cùng các khoản lãi theo Hợp đồng thuê. Trước khi Công ty TNHH V trả hết toàn bộ nợ gốc cùng các khoản lãi, Công ty C1 vẫn là chủ sở hữu của tài sản thuê và là người đứng tên trên toàn bộ các hóa đơn, chứng từ, các giấy tờ pháp lý khác liên quan đến quyền sở hữu đối với tài sản thuê.

Để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê của Công ty V, Công ty C1 có chấp nhận các thư bảo lãnh của ông Vũ H, ông Nguyễn Văn T, Công ty TNHH P T1 ký vào các ngày 13/11/2020, ngày 16/01/2020 về việc bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê theo Hợp đồng thuê số B201110701, B201114201, B201207001 và Thư bảo lãnh của ông Vũ H, Công ty TNHH P Tuấn ngày 11/05/2021 về việc bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê theo Hợp đồng thuê số B210515201. Theo đó, trường hợp Công ty TNHH V không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê theo các Hợp đồng thuê, ông Vũ H, ông Nguyễn Văn T, Công ty TNHH P T1 cam kết sẽ thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê thay cho Công ty V.

Đến kỳ phải thanh toán vào tháng 06/2022, Công ty V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Công ty C1. Cụ thể Công ty V đã thanh toán được 6.287.906.394 đồng; nợ gốc còn lại 9.340.962.006 đồng.

Do Công ty TNHH V vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thuê quy định tại Điều 26 của Hợp đồng thuê, nên vào ngày 30/9/2022, Công ty C1 đã phát hành thông báo chấm dứt Hợp đồng thuê và thu hồi tài sản thuê, theo đó yêu cầu Công ty V thanh toán tổng số tiền còn thiếu theo các Hợp đồng thuê tính đến ngày 05/10/2022 (ngày chính thức chấm dứt Hợp đồng thuê) là 14.160.406.457 đồng.

Sau khi chấm dứt Hợp đồng thuê, Công ty C1 đã nhiều lần liên hệ với Công ty V yêu cầu thanh toán các khoản tiền thuê còn nợ. Tuy nhiên, cho đến nay phía Công ty V vẫn chưa thực hiện việc thanh toán đầy đủ các khoản tiền trên. Đồng thời, Công ty V cũng không bàn giao tài sản thuê cho Công ty C1.

Ngày 18/10/2022, Công ty C1 phát hành T2 yêu cầu thanh toán về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán tiền thuê để yêu cầu ông Vũ H, ông Nguyễn Văn T, Công ty TNHH P Tuấn thanh toán theo nội dung các Thư bảo lãnh cá nhân đã ký nhưng đến nay ông Vũ H, ông Nguyễn Văn T, Công ty TNHH P T1 vẫn chưa thanh toán số tiền mà Công ty V còn nợ Công ty C1.

Ngày 28/7/2023, Công ty C1 đã tiến hành thu hồi 03 ô tô đầu kéo (biển số

72LD – 009.28; 72LD – 009.42; 72LD – 008.49) và 01 sơ mi rơ moóc tải (biển số: 72R – 023.82).

Ngày 04/04/2024, Công ty C1 đã tiến hành thanh lý các tài sản như sau: 01 sơ mi rơ moóc tải (chở container) hiệu CIMC biển số 72R-023.82 theo hợp đồng mua bán số B201110701-001-DIS với giá thanh lý (đã bao gồm VAT) 150.000.000 đồng; 01 ô tô đầu kéo hiệu Foton biển số 72LD-008.49 theo hợp đồng B201207001-001-DIS với giá thanh lý (đã bao gồm VAT) 150.000.000 đồng; 01 ô tô đầu kéo hiệu Foton biển số 72LD-009.42 theo hợp đồng B210515201-001-DIS với giá thanh lý (đã bao gồm VAT) 150.000.000 đồng và 01 ô tô đầu kéo hiệu Foton biển số 72LD-009.42 theo hợp đồng B210515201-001-DIS với giá thanh lý (đã bao gồm VAT) 150.000.000 đồng;

Sau khi dùng toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thuê và tiền ký cược bảo đảm để trừ vào khoản nợ gốc của Công ty TNHH V thì vẫn chưa hết toàn bộ khoản nợ.

Vì vậy, Công ty C1 khởi kiện Công ty V với những yêu cầu cụ thể như sau:

Yêu cầu Công ty TNHH V thanh toán cho Công ty C1 số tiền thuê còn nợ tạm tính đến ngày 20/01/2025 là 13.911.494.436 đồng (Mười ba tỷ, chín trăm mười một triệu, bốn trăm chín mươi tư nghìn, bốn trăm ba mươi sáu đồng), gồm:

Nợ gốc là: 9.340.962.006 đồng.

Nợ lãi trong hạn và các khoản phải thu khác tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng thuê 05/10/2022 là 2.341.317.851 đồng.

Nợ lãi quá hạn từ ngày 06/10/2022 đến 20/01/2025 là 2.229.214.579 đồng.

Cụ thể các hợp đồng như sau:

Hợp đồng B201110701 ngày 13/11/2020: Nợ gốc là: 1.649.239.500 đồng; nợ lãi trong hạn và các khoản phải thu khác tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng thuê 05/10/2022 là 460.007.698 đồng; nợ lãi quá hạn từ ngày 06/10/2022 đến 20/01/2025 là 397.191.658 đồng.

Hợp đồng B201114201 ngày 13/11/2020: Nợ gốc là: 2.905.662.661 đồng; nợ lãi trong hạn và các khoản phải thu khác tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng thuê 05/10/2022 là 711.129.644 đồng; nợ lãi quá hạn từ ngày 06/10/2022 đến 20/01/2025 là 673.509.609 đồng.

Hợp đồng B201207001 ngày 16/12/2020: Nợ gốc là: 779.974.063 đồng; nợ lãi trong hạn và các khoản phải thu khác tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng thuê 05/10/2022 là 241.844.136 đồng; nợ lãi quá hạn từ ngày 06/10/2022 đến 20/01/2025 là 197.510.936 đồng.

Hợp đồng B210515201 ngày 11/05/2021: Nợ gốc là: 4.006.085.782 đồng; nợ lãi trong hạn và các khoản phải thu khác tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng

thuê 05/10/2022 là 928.336.373 đồng; nợ lãi quá hạn từ ngày 06/10/2022 đến 20/01/2025 là 961.002.376 đồng.

Yêu cầu Công ty TNHH V tiếp tục thanh toán cho Công ty C1 tiền lãi chậm thanh toán phát sinh từ ngày 21/01/2025 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quy định tại Hợp đồng thuê cho đến khi thanh toán xong nợ.

Trường hợp Công ty TNHH V không thanh toán đầy đủ số tiền còn nợ, yêu cầu Công ty TNHH V giao trả các tài sản thuê là những xe ô tô đầu kéo và sơ mi rơ mooc mà Công ty C1 chưa thu hồi được để Công ty C1 thanh lý, cần trừ vào tiền nợ.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thuê không đủ để thanh toán số tiền còn nợ hoặc Công ty TNHH V không giao trả tài sản thuê, thì buộc ông Vũ H, ông Nguyễn Văn T, Công ty TNHH P T1 thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty C1 theo nội dung các Thư bảo lãnh đã ký cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền thuê còn nợ.

Theo biên bản làm việc ngày 16/3/2024 tại Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, người đại diện theo pháp luật của bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông T thừa nhận và đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên do hiện nay tình hình Công ty TNHH V gặp khó khăn nên không thể trả gốc và lãi đúng hạn. Ông đề nghị Công ty C1 miễn phần tiền lãi quá hạn và cho thời gian sắp xếp để Công ty TNHH V trả nợ.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH P Tuấn theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tuy nhiên người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH P Tuấn không đến Tòa án làm việc, không gửi văn bản thể hiện quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án. Vì vậy Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng để xét xử vắng mặt Công ty TNHH P Tuấn theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ tham gia phiên tòa:

Qua nghiên cứu, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa dân sự sơ thẩm về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng thì thấy:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự, tuy nhiên còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đối với hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ tại phiên tòa.

- Đối với nguyên đơn đã chấp hành tốt các quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo đó, buộc Công ty TNHH V phải thanh toán số tiền nợ gốc và lãi cho Công ty C1 theo yêu cầu của Công ty C1.

- Về án phí: Công ty TNHH V phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Công ty C1 khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH V phải thanh toán số tiền còn nợ của hợp đồng cho thuê tài chính đã ký giữa hai bên. Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính”. Bị đơn Công ty TNHH V có địa chỉ trụ sở tại thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên theo quy định tại Khoản 1 Điều 30, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ.

Quá trình tố tụng, bị đơn Công ty TNHH V – đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Văn T; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T, ông Vũ H, Công ty TNHH P1 – đại diện theo pháp luật bà Lương Thị B1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do chính đáng. Do đó, căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên theo quy định của pháp luật.

[2]. Nội dung:

[2.1]. Xét tính pháp lý của các hợp đồng cho thuê tài chính đã ký giữa các bên:

Các hợp đồng cho thuê tài chính số B201110701 ngày 13/11/2020, B201114201 ngày 13/11/2020, B201207001 ngày 16/12/2020, B210515201 ngày 11/05/2021 và các Phụ lục đi kèm đã ký giữa Công ty C1 và Công ty TNHH V là dựa trên sự tự nguyện thỏa thuận của các bên, đúng thẩm quyền và không trái quy định hay vi phạm điều cấm của pháp luật nên có hiệu lực thi hành đối với các bên tham gia giao kết hợp đồng.

[2.2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy:

- Về yêu cầu thanh toán nợ gốc của nguyên đơn: Trong các ngày 13/11/2020, 16/12/2024 và ngày 11/05/2021 Công ty C1 và Công ty TNHH V đã ký kết với nhau các Hợp đồng cho thuê tài chính số B201110701, B201114201, B201207001, B210515201 với tổng giá trị của các tài sản thuê là 19.659.378.00 đồng, số tiền mà Công ty TNHH V trả trước là 4.030.509.600 đồng, số tiền

Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C1 tài trợ là 15.628.868.400 đồng. Đối với 03 hợp đồng số B201110701, B201114201, B201207001 thời hạn thuê là 60 tháng, đối với hợp đồng số B210515201 thời hạn thuê là 48 tháng. Hai bên đã thỏa thuận phương thức thanh toán trong hợp đồng. Cụ thể: hàng tháng Công ty TNHH V phải thanh toán cho Công ty C1 tiền thuê bao gồm một phần nợ gốc và khoản tiền lãi được tính trên dư nợ giảm dần cho đến khi trả đủ số tiền nợ gốc mà Công ty C1 đã tài trợ cùng các khoản lãi theo Hợp đồng thuê. Việc thanh toán được thực hiện theo các Hoá đơn giá trị gia tăng do Công ty C1 phát hành và gửi đến Công ty V.

Căn cứ các biên bản nghiệm thu và bàn giao tài sản và sự thừa nhận của Công ty V xác định Công ty V đã nhận đủ tài sản thuê theo đúng thoả thuận tại các hợp đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty V đã thanh toán số tiền 6.287.906.394 đồng; còn nợ 9.340.962.006 đồng. Việc Công ty TNHH V không thanh toán tiền theo đúng thoả thuận tại Điều 7.4 của các hợp đồng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, Công ty C1 đã phát hành các thông báo chấm dứt Hợp đồng thuê và thu hồi tài sản thuê trước thời hạn đối với Công ty V là phù hợp với thoả thuận của các bên tại Điều 26 của các Hợp đồng cho thuê tài chính.

Quá trình tố tụng ông Nguyễn Văn T là người đại diện theo pháp luật của Công ty V xác nhận có nợ và đồng ý thanh toán số tiền gốc và lãi theo yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn. Tuy nhiên, hiện nay do tình hình tài chính Công ty V gặp nhiều khó khăn nên không có khả năng thanh toán cho Công ty C1. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định Công ty V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ theo Điều 7.4 của Hợp đồng cho thuê tài chính và hiện còn nợ Công ty C1 số tiền nợ gốc là 9.340.962.006 đồng nên căn cứ Điều 85, Điều 87 Luật Thương mại 2005 cần buộc Công ty V phải thanh toán số tiền nợ gốc 9.340.962.006 đồng cho Công ty C1 là phù hợp.

- Về yêu cầu thanh toán lãi của nguyên đơn: Tại các Hợp đồng cho thuê tài chính đã ký các bên đã thoả thuận cụ thể số tiền cho thuê và mức lãi suất cho thuê trong các hợp đồng cho thuê tài chính. Mức lãi suất các bên thoả thuận là phù hợp với quy định của Ngân hàng N về thực hiện cơ chế lãi suất thoả thuận trong hoạt động tín dụng thương mại.

Như đã nhận định, Công ty V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty C1 yêu cầu Công ty V phải trả tiền lãi trong hạn và các khoản phí phải thu khác tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán đến ngày chấm dứt Hợp đồng thuê ngày 05/10/2022 là 2.341.317.851 đồng (tổng nợ lãi trong hạn của các Hợp đồng thuê) là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Tại phiên toà Công ty C1 đã cung cấp các bảng tính lãi cụ thể đối với số tiền còn nợ theo các Hợp đồng thuê cụ thể, xác định mức lãi suất quá hạn là 14,99%. Do đó, đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi quá hạn từ ngày 06/10/2022

đến 20/01/2025 với số tiền là 2.229.214.579 đồng (tổng nợ lãi quá hạn của các Hợp đồng thuê) là phù hợp theo quy định tại Điều 6 của các Hợp đồng cho thuê tài chính, Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận.

Cần buộc Công ty V thanh toán các khoản lãi theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Xét về nghĩa vụ bảo lãnh của ông Vũ H, ông Nguyễn Văn T, Công ty TNHH P T1:

Tại các Thư bảo lãnh cá nhân lập ngày 13/11/2020 của ông Vũ H, Nguyễn Văn T, Thư bảo lãnh Công ty TNHH P T1 lập ngày 13/11/2020 có nội dung “... bằng thư này, bên bảo lãnh đồng ý rằng, trong trường hợp bên thuê không thể thực hiện được bất kỳ nghĩa vụ thanh toán nào theo hợp đồng thuê vì bất cứ lý do gì, Bên bảo lãnh phải thực hiện (các) nghĩa vụ này theo yêu cầu lần đầu bằng văn bản của bên cho thuê mà bên cho thuê không cần phải thu hồi và xử lý tài sản thuê theo hợp đồng thuê và cũng không phải xuất trình bất kỳ một tài liệu hoặc bằng chứng nào cho bên bảo lãnh...”.

Các cam kết tại các Thư bảo lãnh trên được ông Vũ H, ông Nguyễn Văn T, Công ty TNHH P T1 tự nguyện ký và phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực thi hành đối với các bên.

Do đó, căn cứ vào cam kết của ông Vũ H, ông Nguyễn Văn T, Công ty TNHH P T1 tại các thư bảo lãnh, thì Công ty C1 yêu cầu trong trường hợp Công ty V không thanh toán đầy đủ khoản tiền nợ gốc và lãi thì buộc người bảo lãnh là ông Vũ H, ông Nguyễn Văn T, Công ty TNHH P T1 có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Công ty C1 số tiền mà Công ty V còn nợ là phù hợp theo quy định tại Điều 335, 336, 342 Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Xét về việc xem xét thẩm định tại chỗ đối với các tài sản thuê: Quá trình tố tụng Công ty C1 xác định hiện nay không xác định được các tài sản thuê gồm các xe ô tô đầu kéo và Sơ mi rơ moóc đang do ai quản lý, sử dụng và đang ở tại đâu nên không yêu cầu Tòa án xem xét thẩm định. Do đó Tòa án không có căn cứ để thực hiện xem xét thẩm định tại chỗ đối với các tài sản thuê.

Từ những phân tích, nhận định trên cần buộc Công ty TNHH V có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty C1 tổng số tiền nợ tính đến ngày 20/01/2025 là 13.911.494.436 đồng (mười ba tỷ, chín trăm mười một triệu, bốn trăm chín mươi tư nghìn, bốn trăm ba mươi sáu đồng); bao gồm tiền nợ gốc là 9.340.962.006 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 2.341.317.851 đồng và tiền nợ lãi quá hạn tính từ ngày 06/10/2022 đến 20/01/2025 là 2.229.214.579 đồng.

Trường hợp Công ty TNHH V không thanh toán đầy đủ số tiền nêu trên, yêu cầu Công ty TNHH V giao trả các tài sản thuê mà Công ty C1, cân trừ nợ.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thuê không đủ để thanh toán số tiền còn nợ hoặc Công ty TNHH V không giao trả tài sản thuê thì buộc ông Vũ H, ông Nguyễn Văn T, Công ty TNHH P T1 thực hiện nghĩa vụ thanh

toán cho Công ty C1 theo nội dung các Thư bảo lãnh đã ký cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền thuê còn nợ.

[3]. Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Điều 11, Điều 24 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng N;

Điều 335, 336, 338, 339, 342 Bộ luật Dân sự;

Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/10/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty C1 đối với Công ty TNHH V về “Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính”;

1.1. Buộc Công ty TNHH V thanh toán cho Công ty C1 tổng số tiền nợ tính đến ngày 20/01/2025 là 13.911.494.436đ (Mười ba tỷ chín trăm mười một triệu bốn trăm chín mươi tư nghìn, bốn trăm ba mươi sáu đồng); bao gồm tiền nợ gốc là 9.340.962.006đ (chín tỷ ba trăm bốn mươi triệu chín trăm sáu mươi hai nghìn không trăm lẻ sáu đồng), tiền nợ lãi trong hạn là 2.341.317.851đ (hai tỷ ba trăm bốn mươi một triệu ba trăm mười bảy nghìn tám trăm năm mươi một đồng) và tiền nợ lãi quá hạn tính từ ngày 06/10/2022 đến 20/01/2025 là 2.229.214.579đ (hai tỷ hai trăm hai mươi chín triệu hai trăm mười bốn nghìn năm trăm bảy mươi chín đồng);

Cụ thể các hợp đồng như sau:

- Hợp đồng cho thuê tài chính số B201110701 ngày 13/11/2020 ký giữa Công ty C1 và Công ty TNHH V, trong đó:

Nợ gốc: 1.649.239.500đ (một tỷ sáu trăm bốn mươi chín triệu hai trăm ba mươi chín nghìn năm trăm đồng)

Nợ lãi trong hạn và các khoản phải thu khác tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng thuê 05/10/2022 là: 460.007.698đ (bốn trăm sáu mươi triệu không trăm lẻ bảy nghìn sáu trăm chín mươi tám đồng);

Nợ lãi quá hạn từ ngày 06/10/2022 đến 20/01/2025 là 397.191.658đ (ba trăm chín mươi bảy triệu một trăm chín mươi một nghìn sáu trăm năm mươi tám đồng).

- Hợp đồng cho thuê tài chính số B201114201 ngày 13/11/2020 ký giữa Công ty C1 và Công ty TNHH V, trong đó:

Nợ gốc: 2.905.662.661đ (hai tỷ chín trăm lẻ năm triệu sáu trăm sáu mươi hai nghìn sáu trăm sáu mươi một đồng);

Nợ lãi trong hạn và các khoản phải thu khác tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng thuê 05/10/2022 là 711.129.644đ (bảy trăm mười một triệu một trăm hai mươi chín nghìn sáu trăm bốn mươi bốn đồng);

Nợ lãi quá hạn từ ngày 06/10/2022 đến 20/01/2025 là 673.509.609đ (sáu trăm bảy mươi ba triệu năm trăm lẻ chín nghìn sáu trăm lẻ chín đồng).

- Hợp đồng cho thuê tài chính số B201207001 ngày 16/12/2020 ký giữa Công ty C1 và Công ty TNHH V, trong đó:

Nợ gốc: 779.974.063đ (bảy trăm bảy mươi chín triệu chín trăm bảy mươi bốn nghìn không trăm sáu mươi ba đồng);

Nợ lãi trong hạn và các khoản phải thu khác tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng thuê 05/10/2022 là 241.844.136đ (hai trăm bốn mươi một triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn một trăm ba mươi sáu đồng);

Nợ lãi quá hạn từ ngày 06/10/2022 đến 20/01/2025 là 197.510.936đ (một trăm chín mươi bảy triệu năm trăm mười nghìn chín trăm ba mươi sáu đồng).

- Hợp đồng cho thuê tài chính số B210515201 ngày 11/05/2021 ký giữa Công ty C1 và Công ty TNHH V, trong đó:

Nợ gốc: 4.006.085.782đ (bốn tỷ không trăm lẻ sáu triệu không trăm tám mươi lăm nghìn bảy trăm tám mươi hai đồng);

Nợ lãi trong hạn và các khoản phải thu khác tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng thuê 05/10/2022 là 928.336.373đ (chín trăm hai mươi tám triệu ba trăm ba mươi sáu nghìn ba trăm bảy mươi ba đồng);

Nợ lãi quá hạn từ ngày 06/10/2022 đến 20/01/2025 là 961.002.376đ (chín trăm sáu mươi một triệu không trăm lẻ hai nghìn ba trăm bảy mươi sáu đồng).

1.2. Buộc Công ty TNHH V tiếp tục thanh toán tiền lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 21/01/2025 cho đến khi Công ty TNHH V thanh toán hết nợ cho Công ty C1 theo các Hợp đồng cho thuê tài chính đã ký số B201110701 ngày 13/11/2020, số B201114201 ngày 13/11/2020, số B201207001 ngày 16/12/2020, số B210515201 ngày 11/05/2021 giữa Công ty C1 và Công ty TNHH V.

1.3. Trường hợp Công ty TNHH V không thanh toán đầy đủ số tiền còn nợ, buộc Công ty TNHH V giao trả các tài sản thuê cho Công ty C1 để thanh lý, cân trừ nợ gồm:

- Các tài sản theo Hợp đồng số B201110701 ngày 13/11/2020: 01 sơ mi rơ moóc tải (chở container) hiệu THT biển số 72R-023.62 theo Giấy chứng nhận số 002731 cấp ngày 18/12/2020; 01 sơ mi rơ moóc tải (chở container) hiệu THT biển số 72R-023.63 theo Giấy chứng nhận số 002738 cấp ngày 18/12/2020; 01 sơ mi rơ moóc tải (chở container) hiệu THT biển số 72R-024.18 theo Giấy chứng nhận số 002737 cấp ngày 18/12/2020; 01 sơ mi rơ moóc tải (chở container) hiệu CIMC biển số 72R-023.30 theo Giấy chứng nhận số 002730 cấp ngày 18/12/2020; 01 sơ mi rơ moóc tải (chở container) hiệu CIMC biển số 72R-023.87 theo Giấy chứng nhận số 002733 cấp ngày 21/12/2020; 01 sơ mi rơ moóc tải (chở container) hiệu CIMC biển số 72R-023.68 theo Giấy chứng nhận số 002734 cấp ngày 18/12/2020; 01 sơ mi rơ moóc tải (chở container) hiệu CIMC biển số 72R-023.59 theo Giấy chứng nhận số 002732 cấp ngày 18/12/2020; 01 sơ mi rơ moóc tải (chở container) hiệu CIMC biển số 72R-023.38 theo Giấy chứng nhận số 002729 cấp ngày 18/12/2020; 01 sơ mi rơ moóc tải (chở container) hiệu CIMC biển số 72R-023.90 theo Giấy chứng nhận số 002736 cấp ngày 18/12/2020; 01 sơ mi rơ moóc tải (chở container) hiệu CIMC biển số 72R-023.82 theo Giấy chứng nhận số 002741 cấp ngày 21/12/2020; 01 sơ mi rơ moóc tải (chở container) hiệu CIMC biển số 72R-024.07 theo Giấy chứng nhận số 002735 cấp ngày 21/12/2020.

- Các tài sản theo Hợp đồng số B201114201 ngày 13/11/2020: 01 ô tô đầu kéo hiệu Foton biển số 72LD-008.91 theo Giấy chứng nhận số 72001031 cấp ngày 25/01/2021; 01 ô tô đầu kéo hiệu Shacman biển số 72LD-008.15 theo Giấy chứng nhận số 72001035 cấp ngày 25/01/2021; 01 ô tô đầu kéo hiệu Shacman biển số 72LD-008.62 theo Giấy chứng nhận số 72001039 cấp ngày 25/01/2021; 01 ô tô đầu kéo hiệu Chenglong biển số 72LD-008.74 theo Giấy chứng nhận số 72001029 cấp ngày 25/01/2021; 01 ô tô đầu kéo hiệu Chenglong biển số 72LD-007.14 theo Giấy chứng nhận số 72001034 cấp ngày 25/01/2021; 01 ô tô đầu kéo hiệu Howo biển số 72LD-008.79 theo Giấy chứng nhận số 72001032 cấp ngày 25/01/2021; 01 ô tô đầu kéo hiệu Howo biển số 72LD-008.10 theo Giấy chứng nhận số 72001036 cấp ngày 25/01/2021; 01 ô tô đầu kéo hiệu CNHTC biển số 72LD-008.24 theo Giấy chứng nhận số 72001038 cấp ngày 25/01/2021; 01 ô tô đầu kéo hiệu CNHTC biển số 72LD-007.95 theo Giấy chứng nhận số 72001033 cấp ngày 25/01/2021.

- Các tài sản theo Hợp đồng số B201207001 ngày 16/12/2020: 01 ô tô đầu kéo hiệu Foton biển số 72LD-008.42 theo Giấy chứng nhận số 72001037 cấp ngày 25/01/2021; 01 sơ mi rơ moóc tải (chở container) hiệu CIMC biển số 72R-023.70 theo Giấy chứng nhận số 002752 cấp ngày 30/12/2020; 01 sơ mi rơ moóc tải (chở container) hiệu CIMC biển số 72R-023.83 theo Giấy chứng nhận số 002751 cấp ngày 30/12/2020.

- Các tài sản theo Hợp đồng số B210515201 ngày 11/05/2021: 01 ô tô đầu kéo hiệu Foton biển số 72LD-009.96 theo Giấy chứng nhận số 72016487 cấp ngày 06/01/2022; 01 ô tô đầu kéo hiệu Foton biển số 72LD-009.16 theo Giấy chứng nhận số 72007217 cấp ngày 16/6/2021; 01 ô tô đầu kéo hiệu Foton biển số 72LD-009.59 theo Giấy chứng nhận số 72007262 cấp ngày 16/6/2021; 01 ô tô đầu kéo hiệu Foton biển số 72LD-009.63 theo Giấy chứng nhận số 72007261 cấp ngày 16/6/2021; 01 ô tô đầu kéo hiệu Foton biển số 72LD-009.74 theo Giấy chứng nhận số 72007264 cấp ngày 16/6/2021; 01 ô tô đầu kéo hiệu Foton biển số 72LD-009.88 theo Giấy chứng nhận số 72007455 cấp ngày 23/6/2021; 01 sơ mi rơ moóc tải (chở container) hiệu CIMC biển số 72R-025.72 theo Giấy chứng nhận số 72000275 cấp ngày 16/6/2021; 01 sơ mi rơ moóc tải (chở container) hiệu CIMC biển số 72R-026.02 theo Giấy chứng nhận số 72000252 cấp ngày 16/6/2021; 01 sơ mi rơ moóc tải (chở container) hiệu CIMC biển số 72R-025.58 theo Giấy chứng nhận số 72000238 cấp ngày 16/6/2021; 01 sơ mi rơ moóc tải (chở container) hiệu CIMC biển số 72R-025.90 theo Giấy chứng nhận số 72000243 cấp ngày 16/6/2021; 01 sơ mi rơ moóc tải (chở container) hiệu CIMC biển số 72R-026.46 theo Giấy chứng nhận số 72000280 cấp ngày 16/6/2021; 01 sơ mi rơ moóc tải (chở container) hiệu CIMC biển số 72R-026.14 theo Giấy chứng nhận số 72000251 cấp ngày 16/6/2021; 01 sơ mi rơ moóc tải (chở container) hiệu HUAJIN biển số 72R-026.43 theo Giấy chứng nhận số 72000277 cấp ngày 16/6/2021; 01 sơ mi rơ moóc tải (chở container) hiệu HUAJIN biển số 72R-026.00 theo Giấy chứng nhận số 72000248 cấp ngày 16/6/2021; 01 sơ mi rơ moóc tải (chở container) hiệu HUAJIN biển số 72R-026.30 theo Giấy chứng nhận số 72000255 cấp ngày 16/6/2021. (Tất cả các Giấy chứng nhận trên do Phòng C2 Công an tỉnh B cấp cho Công ty C1).

1.4. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý các tài sản thuê không đủ để thanh toán số tiền còn nợ hoặc Công ty TNHH V không giao trả tài sản thuê, buộc ông Vũ H, ông Nguyễn Văn T, Công ty TNHH P T1 thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty C1 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền thuê còn nợ theo nội dung các Thư bảo lãnh đã ký sau:

- Thư bảo lãnh cá nhân của ông Vũ H lập ngày 13/11/2020 bảo đảm mọi nghĩa vụ của bên thuê theo Hợp đồng cho thuê tài chính số B201110701 ngày 13/11/2020, số B201114201 ngày 13/11/2020, Thư bảo lãnh ngày 16/12/2020 cho Hợp đồng số B201207001 ngày 16/12/2020 và Thư bảo lãnh ngày 11/05/2021 cho Hợp đồng số B210515201 ngày 11/05/2021.

- Thư bảo lãnh cá nhân của ông Nguyễn Văn Trung L1 ngày 13/11/2020 bảo đảm mọi nghĩa vụ của bên thuê theo Hợp đồng cho thuê tài chính số B201110701 ngày 13/11/2020, số B201114201 ngày 13/11/2020 và Thư bảo lãnh ngày 16/12/2020 cho Hợp đồng số B201207001 ngày 16/12/2020.

- Thư bảo lãnh công ty của Công ty TNHH P Tuấn lập ngày 13/11/2020 bảo đảm mọi nghĩa vụ của bên thuê theo Hợp đồng cho thuê tài chính số B201110701 ngày 13/11/2020, số B201114201 ngày 13/11/2020, Thư bảo lãnh

ngày 16/12/2020 cho Hợp đồng số B201207001 ngày 16/12/2020 và Thư bảo lãnh ngày 11/05/2021 cho Hợp đồng số B210515201 ngày 11/05/2021.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH V phải nộp số tiền 121.911.494đ (một trăm hai mươi một triệu, chín trăm mười một nghìn, bốn trăm chín mươi tư đồng).

Hoàn trả cho Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 61.108.000đ (Sáu mươi một triệu, một trăm lẻ tám nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0006727 ngày 15/12/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. (Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Thu Hiền

